

Số: 48 /2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 14 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tổ chức, quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác bảo vệ công trình thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001;

Căn cứ Nghị định Số 143/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/11/2003 về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 75/2004/TT-BNN ngày 20/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thành lập, củng cố và phát triển tổ hợp tác dùng nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 36/2009/TT-BTC ngày 26/02/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 1250/TTr-SNN&PTNT ngày 19/6/2009 về việc xin phê duyệt Quy định về tổ chức, quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức, quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Quyết định này có trách nhiệm hướng dẫn và theo dõi công tác tổ chức, quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định 138/QĐ.CT-UBT ngày 13/01/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định tạm thời về quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Giám đốc công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi; Thủ trưởng các đơn vị được giao quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư Pháp;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ao Văn Thịnh

QUY ĐỊNH

**Về tổ chức, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4.8.../2009/QĐ-UBND ngày 14.../...7/2009
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý việc tổ chức, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Mạng lưới công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh là cơ sở vật chất, kỹ thuật hạ tầng được Nhà nước đầu tư và nhân dân đóng góp xây dựng. Chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị, xã hội và mọi cá nhân có trách nhiệm tham gia giữ gìn, bảo vệ và khai thác công trình lâu dài, hiệu quả.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Theo Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi:

a) Công trình thủy lợi là công trình thuộc kết cấu hạ tầng nhằm khai thác mặt lợi của nước; phòng, chống tác hại của nước gây ra, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái; bao gồm: Hồ chứa nước, đập dâng nước, âu thuyền, công, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, kênh dẫn nước, công trình dẫn nước trên kênh và bờ bao các loại.

b) Hệ thống thủy lợi là tập hợp các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về mặt vận hành, bảo trì và bảo vệ trong một khu vực nhất định.

c) Thủy lợi phí là phí dịch vụ về nước thu từ tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi cho mục đích sản xuất nông nghiệp để góp phần chi phí cho việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng và bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Tiền nước là giá tiền trong hợp đồng dịch vụ về nước thu từ tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi ngoài mục đích sản xuất nông nghiệp.

e) Phí xả nước thải là phí thu từ tổ chức, cá nhân xả thải vào công trình thủy lợi để góp phần chi phí cho việc bảo vệ chất lượng nước.

g) Tổ chức hợp tác dùng nước là hình thức hợp tác của những người cùng hưởng lợi từ công trình thủy lợi làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ công trình phục vụ sản xuất, dân sinh trên một địa bàn nhất định.

h) Đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi: Công ty nhà nước, công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi, công ty cổ phần làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước và các đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

k) Hộ dùng nước: Là tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ công trình thủy lợi.

2. Công trình thủy lợi có quy mô, tính chất đơn giản: Là công trình phục vụ trong phạm vi thôn, liên thôn, xã.

3. Công trình thủy lợi có quy mô, tính chất phức tạp: Là công trình phục vụ trong phạm vi liên xã, huyện, liên huyện.

4. Theo quy ước về phân cấp kênh tưới, tiêu trong công trình thủy lợi:

a) Kênh tưới chính là tuyến kênh lấy nước trực tiếp từ công trình thủy lợi đầu mối.

b) Kênh tiêu chính là tuyến kênh có nhiệm vụ truyền tải nước tiêu trực tiếp dẫn về nơi nhận nước tiêu.

c) Kênh tưới cấp 1 là các tuyến kênh lấy nước trực tiếp từ tuyến kênh chính.

d) Kênh tiêu cấp 1 là các tuyến kênh truyền tải nước tiêu trực tiếp đưa vào kênh chính.

e) Kênh tưới nội đồng là cấp kênh cuối cùng đưa nước trực tiếp vào mặt ruộng.

g) Kênh tiêu nội đồng là cấp kênh đầu tiên có nhiệm vụ nhận nước tiêu từ mặt ruộng đưa vào kênh cấp trên.

Chương II **TỔ CHỨC QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ** **CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Điều 4. Phân cấp quản lý đối với các công trình thủy lợi

1. Công trình thủy lợi được xây dựng bằng ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước có quy mô, tính chất phức tạp do Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi (công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi) quản lý.

2. Đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi do UBND huyện, thị xã, thành phố (được gọi tắt là UBND cấp huyện), UBND xã, phường, thị trấn (được gọi tắt là UBND cấp xã) quyết định thành lập, trực tiếp quản lý những công trình sau:

a) Công trình thủy lợi được xây dựng bằng ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước có quy mô, tính chất đơn giản;

b) Công trình được xây dựng bằng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước có tỉ lệ trên 50% giá trị xây dựng công trình;

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành và khoản 1, khoản 2 Điều này tổng hợp danh mục các công trình dự kiến giao cho các đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ để tham mưu cho UBND tỉnh quyết định phân cấp quản lý.

4. Đơn vị được giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phải chịu trách nhiệm xuyên suốt từ công tác bảo vệ, vận hành đến việc thu chi thủy lợi phí và thường xuyên kiểm tra công trình để lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng.

Điều 5. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

1. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về hiệu quả khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được giao quản lý.
2. Quản lý, vận hành công trình thủy lợi, điều hòa nguồn nước tưới hợp lý từ đầu mối đến hết kênh nội đồng. Thường xuyên phối hợp với địa phương kiểm tra công trình, kịp thời tu bổ, sửa chữa những hư hỏng, lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng công trình để đảm bảo phục vụ sản xuất.
3. Có chức năng nhiệm vụ hoạt động công ích trong lĩnh vực tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và được hưởng các chế độ chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Được tận dụng công trình, máy móc thiết bị, lao động, kỹ thuật, đất đai, cảnh quan công trình để tổ chức các hoạt động kinh doanh, khai thác tổng hợp theo dự án đầu tư và thiết kế kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và những quy định của Nhà nước về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
5. Làm chủ đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi được UBND tỉnh giao; chủ đầu tư trong việc sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, duy trì phát triển năng lực công trình đảm bảo an toàn và sử dụng lâu dài.
6. Tổ chức thực hiện công tác sửa chữa thường xuyên công trình bằng nguồn vốn thủy lợi phí theo quy định của pháp luật.
7. Xây dựng quy trình vận hành công trình, quy trình điều tiết nước của hồ chứa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.
8. Quan trắc, theo dõi thu thập các số liệu theo quy định; nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc khai thác bảo vệ công trình thủy lợi; lưu trữ hồ sơ khai thác công trình thủy lợi.
9. Tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp nước và các dịch vụ thủy lợi khác với các tổ chức, cá nhân dùng nước, thu thủy lợi phí, tiền nước và phí xả nước thải ở những công trình được giao quản lý.
10. Có mối quan hệ chặt chẽ với UBND cấp huyện; UBND cấp xã để quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Giúp UBND cấp huyện chỉ đạo xây dựng kế hoạch thời vụ, diện tích, cơ cấu cây trồng cho phù hợp và có hiệu quả; đề xuất, kiến nghị chính quyền địa phương phối hợp, hỗ trợ trong việc bảo vệ an toàn công trình và công tác phòng chống lụt bão.
11. Có trách nhiệm thông báo đến UBND địa phương những thông tin sau:
 - a) Khả năng cung cấp nước phục vụ sản xuất của các công trình trên từng vùng, giúp UBND cấp huyện chỉ đạo xây dựng kế hoạch thời vụ, diện tích, cơ cấu cây trồng phù hợp và chỉ đạo sản xuất có hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện các hợp đồng cung cấp nước tưới của từng đơn vị dùng nước trong địa bàn: Huyện, thị xã, thành phố, thị trấn, phường, xã.

c) Các trường hợp vi phạm an toàn công trình, gây lãng phí nước làm ảnh hưởng đến sản xuất chung để được phối hợp xử lý kịp thời.

d) Sự phối hợp, hỗ trợ từ địa phương trong việc bảo vệ an toàn công trình và công tác phòng chống lụt bão theo quy định của pháp luật.

12. Có quyền từ chối cung cấp nước trong các trường hợp sau:

- Hộ dùng nước vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, lấy nước tùy tiện, gây lãng phí nước làm ảnh hưởng đến kế hoạch cung cấp nước chung cho toàn khu tưới của công trình.

- Hộ, đơn vị dùng nước không đăng ký hợp đồng dùng nước (đối với vụ sản xuất sắp tới) hoặc không thanh toán thủy lợi phí, tiền nước (đối với vụ sản xuất vừa qua).

Điều 6. Đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định thành lập

1. Chịu trách nhiệm trước UBND cấp huyện, cấp xã về hiệu quả khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được giao quản lý.

2. Quản lý, vận hành công trình thủy lợi, điều hòa nguồn nước tưới hợp lý theo sự phân cấp. Thường xuyên kiểm tra, kịp thời sửa chữa những hư hỏng và lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng công trình để đảm bảo phục vụ sản xuất.

3. Có chức năng nhiệm vụ hoạt động công ích trong lĩnh vực tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và được hưởng các chế độ chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Được tận dụng công trình, máy móc thiết bị, lao động, kỹ thuật, đất đai, cảnh quan công trình để tổ chức các hoạt động kinh doanh, khai thác tổng hợp theo dự án đầu tư và thiết kế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và những quy định của Nhà nước về quản lý khai thác bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Làm chủ đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi được UBND tỉnh giao; chủ đầu tư trong việc sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, duy trì phát triển năng lực công trình đảm bảo an toàn và sử dụng lâu dài.

6. Tổ chức thực hiện công tác sửa chữa thường xuyên công trình bằng nguồn vốn thủy lợi phí theo quy định của pháp luật về chế độ sử dụng chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định của doanh nghiệp khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

7. Xây dựng quy trình vận hành công trình, quy trình điều tiết nước của hồ chứa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

8. Quan trắc, theo dõi thu thập các số liệu theo quy định; nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc khai thác bảo vệ công trình thủy lợi; lưu trữ hồ sơ khai thác công trình thủy lợi.

9. Tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp nước và các dịch vụ thủy lợi khác với các tổ chức, cá nhân dùng nước, thu thủy lợi phí, tiền nước và phí xả nước thải ở những công trình do đơn vị được phân cấp quản lý.

10. Có mối quan hệ chặt chẽ với UBND cấp xã để quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Giúp UBND cấp huyện chỉ đạo xây dựng kế hoạch thời vụ, diện tích, cơ cấu cây trồng cho phù hợp và có hiệu quả; đề xuất, kiến nghị UBND cấp xã phối hợp, hỗ trợ trong việc bảo vệ an toàn công trình và công tác phòng chống lụt bão.

11. Có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện những thông tin sau:

a) Khả năng cung cấp nước phục vụ sản xuất của các công trình trên từng vùng, giúp UBND cấp huyện, phối hợp với UBND cấp xã chỉ đạo xây dựng kế hoạch thời vụ, diện tích, cơ cấu cây trồng phù hợp và chỉ đạo sản xuất có hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện các hợp đồng cung cấp nước tưới của từng đơn vị dùng nước trong địa bàn: Huyện, thị xã, thành phố, thị trấn, phường, xã.

c) Các trường hợp vi phạm an toàn công trình, gây lãng phí nước làm ảnh hưởng đến sản xuất chung để được phối hợp xử lý kịp thời.

d) Bảo vệ an toàn công trình và công tác phòng chống lụt bão theo quy định của pháp luật.

12. Có quyền từ chối cung cấp nước trong các trường hợp sau:

- Hộ dùng nước vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, lấy nước tùy tiện, gây lãng phí nước làm ảnh hưởng đến kế hoạch cung cấp nước chung cho toàn khu tưới của công trình.

- Hộ, đơn vị dùng nước không đăng ký hợp đồng dùng nước (đối với vụ sản xuất sắp tới) hoặc không thanh toán thủy lợi phí, tiền nước (đối với vụ sản xuất vừa qua).

Điều 7. Trạm Khai thác công trình thủy lợi (trạm KTCTTL)

Là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH 1 TV KTCTTL hoặc đơn vị quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định thành lập, trực tiếp làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

1. Trạm KTCTTL có nhiệm vụ:

a) Vận hành công trình theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật và lệnh điều hành của Giám đốc đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi và Trưởng ban chỉ đạo quản lý công trình (nếu có).

b) Trong phạm vi được giao quản lý: Kiểm tra công trình thường xuyên và định kỳ trước, trong và sau mùa mưa lũ. Phát hiện những ẩn họa như: Hang phức tạp; quan trắc mực nước, xê dịch lún, thấm lậu, bồi lắng, xói lở, ăn mòn công trình và độ nhiễm mặn, mức độ ô nhiễm nguồn nước. Phát hiện ngăn ngừa kịp thời những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, chủ động phản ánh với chính quyền địa phương (huyện, xã) để phối hợp giải quyết.

c) Phối hợp với UBND cấp xã kiểm tra, hướng dẫn các hộ dùng nước khai thác và bảo vệ công trình.

d) Thực hiện công tác phòng chống lụt bão, bảo vệ công trình theo sự chỉ đạo của cấp trên.

e) Trực tiếp ký kết hợp đồng cung cấp nước, các dịch vụ thủy lợi khác và thu tiền nước, tiền thủy lợi phí đối với những trường hợp không được miễn thủy lợi phí khi được ủy quyền của Giám đốc đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi.

g) Quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương, các đơn vị, cá nhân dùng nước, tổ chức nhân dân tham gia bảo vệ công trình.

h) Phối hợp UBND cấp xã trong việc khoanh vùng diện tích sản xuất dùng nước, tập hợp danh sách, địa chỉ, diện tích, vị trí sản xuất của các hộ dùng nước.

i) Xây dựng và thông báo cho UBND cấp xã, các hộ dùng nước về kế hoạch cung cấp nước, điều hòa, phân phối nguồn nước.

k) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân dùng nước lập danh sách đăng ký dùng nước.

l) Khi được hộ dùng nước thông báo về tình hình sâu bệnh, thiên tai, mất mùa, phải tổ chức phối hợp thăm đồng xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại, làm biên bản để lập hồ sơ miễn giảm thủy lợi phí cho nông dân theo mức quy định của UBND tỉnh.

m) Nghiệm thu thanh lý hợp đồng tưới, tổng hợp kết quả tưới, thông qua UBND cấp huyện, xã chỉ đạo các cá nhân, tổ chức dùng nước lập sổ bộ thu thủy lợi phí.

n) Tập hợp danh sách các hộ dùng nước cố tình không đăng ký dùng nước, làm thất thoát lãng phí nước hoặc dây dưa, trốn tránh thanh toán thủy lợi phí gửi về UBND cấp xã để xử lý.

2. Trạm KTCTTL được cung cấp:

a) Đầy đủ hồ sơ, lý lịch công trình, trang bị các thiết bị quan trắc: Lượng mưa, lún nứt, xê dịch công trình, xây dựng biển báo, mốc chỉ giới phục vụ công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình.

b) Các văn bản pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác xây dựng, tu sửa, nâng cấp, quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Trạm Khai thác công trình thủy lợi có quyền lập biên bản những hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, những hành vi xâm hại công trình.

Điều 8. Tổ quản lý công trình thủy lợi

Là thành viên trực thuộc, chịu sự điều hành trực tiếp của trạm KTCTTL hoặc đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp trên, thực hiện nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình.

1. Tổ quản lý công trình thủy lợi có trách nhiệm:

a) Thường xuyên bám sát công trình, trực tiếp vận hành công trình, điều hòa phân phối nước theo sự phân công, hướng dẫn của đơn vị cấp trên.

b) Kiểm tra công trình hàng ngày và định kỳ trước, trong và sau mùa mưa lũ.

c) Bảo dưỡng công trình, máy móc, thiết bị thường xuyên và định kỳ.

d) Hướng dẫn các hộ dùng nước tưới tiêu hợp lý, tránh sử dụng nước lãng phí.

e) Phối hợp chặt chẽ với thôn, ấp nơi xây dựng công trình thủy lợi để thực hiện các hoạt động khai thác, bảo vệ công trình theo kế hoạch.

2. Được tận dụng mặt bằng khu vực công trình một cách hợp lý để tăng gia sản xuất cải thiện đời sống theo tổ chức và hướng dẫn của trạm KTCTTL hoặc đơn vị quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cấp trên.

Điều 9. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã. UBND cấp huyện có nhiệm vụ:

1. Thành lập, chỉ đạo UBND cấp xã thành lập đơn vị khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được giao quản lý ở địa phương, tổ chức thực hiện chính sách về miễn, giảm thủy lợi phí.

2. Tham gia xây dựng phát triển phương án quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư, tu bổ, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi đã có.

3. Xây dựng và chỉ đạo phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên cơ sở phương án bảo vệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân địa phương thực hiện tốt các quy định, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Phối hợp, hỗ trợ đơn vị quản lý công trình tổ chức hoạt động tiếp nhận và sử dụng nước tưới một cách chặt chẽ, hợp lý.

6. Chỉ đạo UBND cấp xã xử lý hoặc trực tiếp xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các quy định của Nhà nước có liên quan.

7. Giải quyết các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các đơn vị, cá nhân hưởng nước từ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý.

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo hướng dẫn, chỉ đạo của UBND cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

1. Thành lập đơn vị quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được giao, tổ chức thực hiện chính sách về miễn, giảm thủy lợi phí.

2. Phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi thực hiện phương án bảo vệ công trình trên địa bàn.

3. Phối hợp, tạo điều kiện cho đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi xây dựng hồ sơ phục vụ sản xuất một cách đầy đủ gồm: Lập kế hoạch thời vụ, danh sách, địa chỉ, diện tích và vị trí sản xuất của các hộ dùng nước.

4. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân địa phương thực hiện nghiêm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Cử đại diện các đơn vị liên quan tham gia thăm đồng, xác minh kết quả tưới, tình hình thiên tai, mất mùa, giảm năng suất của nông dân kịp thời, làm cơ sở cho việc xét miễn giảm thủy lợi phí và nghiệm thu hợp đồng dùng nước.

6. Trực tiếp và kịp thời xử lý, ngăn chặn các trường hợp vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc phạm vi, quyền hạn của xã; báo cáo kịp thời với UBND cấp huyện để có biện pháp xử lý những trường hợp không thuộc quyền hạn của xã giải quyết.

7. Chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên về việc tổ chức hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh khai thác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn xã. Vận động và hướng dẫn các hộ dùng nước thủy lợi trong xã ký kết hợp đồng dùng nước, thanh toán đủ thủy lợi phí. Đối với các hộ dùng nước không trả đủ thủy lợi phí, UBND cấp xã chỉ đạo các đơn vị chức năng của xã tiến hành kiểm tra, thanh tra từng vụ, từng năm, lập biên bản đề xuất biện pháp và tiến hành xử lý kịp thời theo quyền hạn của xã. Nếu hộ dùng nước cố tình không chấp hành, UBND xã đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo pháp luật.

Điều 11. Ban thôn, ấp

Ban quản lý thôn, ấp có nhiệm vụ:

1. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trong thôn, ấp chấp hành các quy định, chủ trương, chính sách của Nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Đôn đốc, nhắc nhở các hộ dùng nước trong thôn, ấp đăng ký diện tích dùng nước với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi và thanh toán thủy lợi phí.

2. Tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn thôn, ấp dưới sự chỉ đạo của UBND cấp xã và sự hướng dẫn của đơn vị quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Kịp thời thông báo với chính quyền địa phương hay đơn vị quản lý công trình nơi gần nhất khi phát hiện các đối tượng có hành vi xâm hại gây mất an toàn công trình.

Điều 12. Hộ dùng nước

1. Hộ dùng nước có trách nhiệm:

a) Ký hợp đồng sử dụng nước hoặc dịch vụ về nước với đơn vị quản lý công trình trước khi vào vụ sản xuất và trả thủy lợi phí, tiền nước hoặc phí xả nước thải theo quy định.

b) Khi xảy ra tình trạng sâu bệnh, thiên tai, hạn hán làm ảnh hưởng đến năng suất trong trường hợp thời vụ sản xuất đã ký hợp đồng dùng nước, thì phải phản ánh kịp thời với đơn vị cấp nước để phối hợp kiểm tra thực tế.

c) Khi có sự chuyển đổi quyền sử dụng đất trên diện tích đang sản xuất hoặc cho thuê mướn ruộng, phải báo cho đơn vị quản lý công trình thủy lợi biết và thanh toán toàn bộ thủy lợi phí còn nợ đọng từ những vụ sản xuất trước.

d) Chấp hành các quy định của Nhà nước về bảo vệ công trình thủy lợi, tiếp nhận nước từ đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi, tôn trọng lịch trình phân phối nước, sử dụng nước tiết kiệm và có hiệu quả, bảo vệ môi trường nước.

2. Hộ dùng nước có quyền:

a) Hợp đồng sử dụng nước hoặc hợp đồng về nước từ công trình thủy lợi sau khi đã hoàn thành các trách nhiệm và nghĩa vụ nêu trên.

b) Khiếu nại về tình trạng phân phối nước không công bằng, thiếu nước trên diện tích sản xuất đã đăng ký sử dụng nước.

c) Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp đơn vị quản lý khai thác công trình thực hiện không đúng hợp đồng. Mức bồi thường tương đương với mức thiệt hại về sản lượng bình quân tại khu vực sản xuất.

d) Khi có đủ hồ sơ xác minh thực tế, được miễn giảm thủy lợi phí theo tỷ lệ quy định trong các trường hợp: Vụ dùng nước để sản xuất bị thiên tai, sâu bệnh, giảm năng suất; đồng bào vùng sâu, vùng xa.

3. Các cá nhân dùng nước trên cùng một diện tích tập trung hay một cánh đồng có thể tự nguyện thành lập tổ chức hợp tác dùng nước và cử đại diện ký kết hợp đồng dùng nước với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi.

4. Các đối tượng khác có hưởng lợi từ công trình thủy lợi như: Sử dụng nước cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, phát điện, dịch vụ du lịch, nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ, tập trung hoặc dẫn nước thải công nghiệp qua công trình thủy lợi (ở mức độ không gây ô nhiễm nguồn nước) phải trực tiếp liên hệ với đơn vị quản lý công trình để ký kết hợp đồng.

Chương III

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 13. Nguồn tài chính của đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi

1. Ngân sách nhà nước cấp theo hình thức đặt hàng giao kế hoạch, để quản lý, vận hành, bảo trì và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Thủy lợi phí, tiền nước, phí xả nước thải.

3. Ngân sách nhà nước cấp cho sửa chữa, nâng cấp, khôi phục công trình thủy lợi bị thiên tai phá hoại theo dự án đầu tư được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Ngân sách nhà nước cấp để xây dựng kiên cố hóa kênh mương.

5. Tiền do người dùng nước thỏa thuận đóng góp để vận hành, duy tu, sửa chữa nâng cấp và bảo vệ công trình thủy lợi.

6. Nguồn thu từ thanh lý những máy móc, thiết bị, tài sản chủ yếu có tính chất quyết định hoạt động của doanh nghiệp phải được cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp, cơ quan quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp cho phép bằng văn bản.

7. Các khoản thu từ khai thác tổng hợp công trình thủy lợi.

Điều 14. Thủy lợi phí, tiền nước

1. Các tổ chức, cá nhân có diện tích đất, mặt nước dùng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản có diện tích đất vượt hạn mức được giao; các doanh nghiệp hoạt động cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp, tiêu nước cho sản xuất công nghiệp, cấp nước cho nhà máy nước sạch, thủy điện, các hoạt động kinh doanh du lịch, vận tải qua cống, âu thuyền và vận tải hàng hóa

lưu thông trên công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn ngân sách Nhà nước thì đều phải nộp thủy lợi phí, tiền nước theo quy định như sau:

1.1. Mức thủy lợi phí đối với sản xuất nông nghiệp:

a) Đối với diện tích đất trồng lúa tưới, tiêu chủ động:

Đối với các xã được công nhận là miền núi, mức thu như sau:

- Tưới bằng động lực: 670.000 đ/ha/vụ.

- Tưới bằng trọng lực: 566.000 đ/ha/vụ.

- Tưới bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ: 635.000 đ/ha/vụ.

Đối với các xã còn lại, mức thu:

- Tưới bằng động lực: 886.000 đ/ha/vụ.

- Tưới bằng trọng lực: 801.000 đ/ha/vụ.

- Tưới bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ: 839.000 đ/ha/vụ.

b) Đối với diện tích đất trồng lúa tưới, tiêu chủ động một phần (dưới 50%) thời vụ, tạo nguồn nước để hộ dân dùng bơm tát thì mức thu quy định như sau:

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức thu bằng 60% mức phí trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới tiêu bằng trọng lực thì thu bằng 40% mức phí trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới tiêu bằng động lực thì thu bằng 50% mức phí trên.

c) Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp, cây ăn trái, hoa, cây dược liệu, tưới cò kể cả cây vụ đông thì thu 40% mức quy định đối với cây lúa.

1.2. Mức tiền nước đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi thì thu như sau:

STT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Thu theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ, đập, kênh, cống
a	Cấp nước dùng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.	đồng/m ³	1.500	750
b	Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi.	đồng/m ³	1.100	750
c	Cấp nước nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	700	500
		đồng/m ² mặt thoáng	250	
d	Nuôi trồng thủy sản trong các hồ chứa nước thủy lợi.	đồng/ha mặt nước/năm	1.000.000	
đ	Nuôi cá bè.	% Giá trị sản lượng	9%	
e	Đối với phương tiện vận tải thủy đi trên hệ thống công trình thủy lợi:			

	- Thuyền, sà lan - Các loại bè	đồng/tấn/lượt đồng/m ² /lượt	6.000 1.500
f	Sử dụng nước để phát điện.	% giá trị sản lượng điện thương phẩm.	10%
g	Kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân gôn, casino, nhà hàng).	Tổng giá trị kinh doanh.	13%

- Trường hợp lấy nước theo khối lượng thì mức tiền nước được tính từ vị trí nhận nước của tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

1.3. Mức thủy lợi phí quy định tại điểm a, b, c mục 1.1 khoản 1 điều này được tính từ vị trí cống đầu kênh nội đồng đến công trình đầu mối.

1.4. Tổ hợp tác dùng nước thỏa thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng nước về mức phí dịch vụ lấy nước từ sau cống đầu kênh nội đồng đến mặt ruộng, nhưng không được vượt quá 50% mức thu lợi phí quy định tại mục 1.1 khoản 1 điều này.

2. Đối với các công trình đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước thì đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi thỏa thuận mức thu với hộ dùng nước và được UBND tỉnh chấp thuận.

3. Miễn, giảm thủy lợi phí:

3.1. Đối tượng và phạm vi miễn thủy lợi phí:

a) Hộ gia đình, tổ chức, cá nhân có đất, mặt nước dùng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong hạn mức giao đất nông nghiệp bao gồm: Đất do Nhà nước giao, được thừa kế, cho, tặng, nhận chuyển nhượng hợp pháp, kể cả phần diện tích đất 5% công ích do địa phương quản lý mà các hộ gia đình, cá nhân được giao hoặc đấu thầu quyền sử dụng.

b) Những trường hợp thời vụ sản xuất đã hợp đồng dùng nước mà bị thiên tai gây thiệt hại mùa màng với mức giảm năng suất trên 50% và trường hợp phải bơm tát từ nguồn nước thủy lợi lên ruộng với hai cấp bơm tát trở lên.

c) Toàn bộ diện tích đất, mặt nước dùng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình, cá nhân tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của Chính phủ.

3.2. Mức miễn thủy lợi phí:

a) Đối với diện tích tưới tiêu từ công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì miễn theo mức thu qui định tại điểm a, b, c mục 1.1 và điểm c mục 1.2 khoản 1 điều này.

b) Đối với diện tích tưới tiêu từ công trình được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước thì miễn theo mức thu thỏa thuận qui định tại khoản 2 điều này.

3.3. Đối tượng giảm thủy lợi phí: Giảm thủy lợi phí 50% cho các trường hợp bị sâu bệnh, thiên tai, mất mùa gây thiệt hại năng suất từ 30% đến 50%.

Điều 15. Mức thu phí xả nước thải vào công trình thủy lợi

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các Sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng mức thu phí xả nước thải vào công trình thủy lợi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành để áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Chi phí trong hoạt động khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi

Chi phí cho hoạt động khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác bảo vệ công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý khai thác bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 17. Chi phí từ nguồn thu thủy lợi phí và nguồn kinh phí được cấp bù khi miễn thủy lợi phí

1. Chi phí từ nguồn thu thủy lợi phí và nguồn cấp bù khi miễn thủy lợi phí: Được dùng để trực tiếp chi phí cho công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, bao gồm các khoản mục chi phí cho công tác tưới tiêu từ công trình đầu mối đến vị trí cống đầu kênh nội đồng (trong đó chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định được quy định tại điều 18 bản Quy định này).

2. Chi phí từ nguồn thu theo thỏa thuận (từ vị trí sau cống đầu kênh nội đồng đến mặt ruộng) giữa đơn vị quản lý công trình với hộ dùng nước bao gồm:

- a) Chi cho công tác duy tu, sửa chữa và bảo vệ kênh mương nội đồng.
- b) Chi phí cho công tác tiếp nhận và điều phối nước từ đầu các tuyến kênh nội đồng đến mặt ruộng.

Điều 18. Chi phí sửa chữa thường xuyên trong hoạt động khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. Chi phí sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi là một khoản mục chi phí trong tổng chi phí hoạt động tưới tiêu và được duyệt chi từ nguồn doanh thu của đơn vị quản lý công trình thủy lợi.

2. Nội dung về sửa chữa thường xuyên các công trình thủy lợi được thực hiện theo Quy định về chế độ sử dụng chi phí cho sửa chữa thường xuyên tài sản cố định của doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi ban hành kèm theo Quyết định số 211/1998/QĐ-BNN-QLN ngày 19/12/1998 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 19. Kế hoạch chi phí sửa chữa thường xuyên hàng năm căn cứ vào nhu cầu, khả năng thực hiện của đơn vị và quy định hiện hành để xây dựng và trình duyệt.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ, THẨM QUYỀN XÁC NHẬN MIỄN, GIẢM THỦY LỢI PHÍ

Điều 20. Trình tự, thủ tục miễn, giảm thủy lợi phí

Trình tự xác nhận đối tượng và diện tích đất được miễn, giảm thủy lợi phí:

1. Đơn vị được giao quản lý công trình thủy lợi phối hợp với UBND cấp xã căn cứ bản đồ giải thửa, hợp đồng cấp nước, tưới nước, tiêu nước giữa đơn vị quản lý công trình với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để lập bảng kê đối tượng và diện tích đất được miễn, giảm thủy lợi phí theo mẫu quy định tại phụ lục kèm theo Quy định này.

2. UBND cấp huyện nơi đối tượng miễn, giảm thủy lợi phí cư trú xác nhận trong bảng kê do đơn vị quản lý công trình lập.

3. Sau khi lập bảng kê đơn vị quản lý công trình lập hồ sơ miễn, giảm thủy lợi phí để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 21. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định miễn, giảm thủy lợi phí

1. Tờ trình của đơn vị quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đề nghị miễn, giảm thủy lợi phí.

2. Bảng kê diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước theo từng hộ dùng nước trên địa bàn có xác nhận của UBND cấp huyện, xã.

3. Hợp đồng (hoặc sổ bộ) tưới nước, tiêu nước, cấp nước của các đơn vị quản lý công trình với các đơn vị dùng nước, các hộ dùng nước.

Bảng kê diện tích tưới nước, tiêu nước, cấp nước kèm theo quyết định của UBND tỉnh là căn cứ để: Giao kế hoạch hoặc đặt hàng; các cơ quan nhà nước thực hiện giám sát việc phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước của các đơn vị quản lý công trình và làm cơ sở để đơn vị quản lý công trình lập dự toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định diện tích miễn, giảm thủy lợi phí

UBND tỉnh quyết định diện tích miễn, giảm thủy lợi phí đối với các diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước của các đơn vị quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC TỔ CHỨC QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các đơn vị quản lý công trình thủy lợi; hướng dẫn kiểm tra công tác tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Hướng dẫn các địa phương thành lập đơn vị quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn việc lập, thẩm định, trình duyệt quy trình vận hành điều tiết hồ chứa nước.

4. Hướng dẫn việc lập, thẩm định, trình duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính đối với các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật ngân sách và các quy định khác của nhà nước.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp dự toán bù miễn thủy lợi phí của các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh để báo cáo UBND tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan

Các Sở, ban, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước được phân công, hướng dẫn kiểm tra, tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi vận hành, khai thác hiệu quả công trình phục vụ sản xuất, dân sinh.

Điều 26. Chế độ báo cáo

Các địa phương, đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi báo cáo định kỳ hàng quý, năm và đột xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Những tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện những nội dung quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi sẽ được khen thưởng theo quy định.

Điều 28. Các hành vi vi phạm về tổ chức, quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này. Trong quá trình triển khai, áp dụng nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi bổ sung cho phù hợp, các Sở, ban, ngành,

UBND cấp huyện, các đơn vị được giao quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 30. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có trách nhiệm thi hành Quy định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ao Văn Thịnh